

Bản án số: 76/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28/9/2020.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông LÊ VĂN ĐẸP

**- Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông LẠI THIÊN PHONG
2/ Ông LÊ VĂN THUYỀN**

- Thư ký phiên tòa: Ông QUÁCH VĂN QUY – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:
Bà LÊ HUYỀN MAO - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1993 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn G**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, tại bản tự khai ngày 16/6/2020 nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn G có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/8/2015. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G không quan tâm, lo lắng cho gia đình và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2019 âm lịch đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Văn G.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị N xác định giữa chị N và anh Trịnh Văn G có 02 người con chung là cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017. Hiện tại cháu Thư đang sống chung với chị N còn cháu Phương thì đang sống chung với anh G. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thư. Còn cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 thì chị N đồng ý giao cho anh G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị không phải cấp dưỡng cho cháu Phương;

Về tài sản chung: Chị N xác định giữa chị và anh Trịnh Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trịnh Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn G và vợ anh là chị Trần Thị N có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/8/2015. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng tháng 12/2019 âm lịch đến nay. Anh G không đồng ý ly hôn với chị N, anh muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh G xét thấy không thể hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Trịnh Văn G xác định giữa anh và chị Trần Thị N có 02 người con chung là cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017. Hiện tại cháu Thư đang

sống chung với chị N còn cháu Phương thì đang sống với anh G. Trước đây tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 và tại phiên hòa giải, anh G yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thư và cháu Phương. Tuy nhiên tại phiên Tòa ngày hôm nay, anh G đồng ý giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh G không phải cấp dưỡng cho con. Anh G yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Phương.

Về tài sản chung: Anh G xác định giữa anh G và chị N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trịnh Văn G;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 cho anh Trịnh Văn G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Văn G và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trịnh Văn G có nơi đăng ký thường trú tại ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Trần Thị N tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn G có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 10/8/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N và anh G thống nhất xác định thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lúc sống chung thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2019 âm lịch đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh G anh G đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị N và anh G đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 đến nay. Anh G không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh G đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trịnh Văn G.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh G xác định giữa chị N và anh G có 02 người con chung là cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017. Hiện tại, cháu Thư đang sống chung với chị N còn cháu Phương đang sống chung với anh G. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Anh Thư và chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thư, còn cháu Trịnh Thị Nhã Phương thì chị N đồng ý

giao cho anh G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị không phải cấp dưỡng cho cháu Phương và tại phiên tòa hôm nay anh G đồng ý giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh G không phải cấp dưỡng cho con. Anh G yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 cho anh Trịnh Văn G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N và anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, chị N và anh G được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn G xác định giữa chị N và anh G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trịnh Văn G.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Anh Thư, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tiếp tục giao cháu Trịnh Thị Nhã Phương, sinh ngày 24/3/2017 cho anh Trịnh Văn G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003142 ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đệp